

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: / /TT-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo 0  
Xin ý rộng rãi

## **THÔNG TƯ**

### **Quy định lập và quản lý chi phí trong hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chuyển đổi số quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định lập và quản lý chi phí trong hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước.

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết một số nội dung quy định tại khoản 7 Điều 83 Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số (gọi là Nghị định số .../2026/NĐ-CP), bao gồm các nội dung về lập và quản lý chi phí trong hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước sau:

1. Nội dung, chế độ chi đối với một số nội dung chi thường xuyên cho hoạt động chuyển đổi số.

2. Xác định sơ bộ tổng mức đầu tư; xác định tổng mức đầu tư, dự toán dự án; xác định dự toán thuê dịch vụ công nghệ số không sẵn có trên thị trường; nội dung, phương pháp xác định chi phí quản trị, vận hành và bảo trì

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP.

**Chương II****NỘI DUNG, CHẾ ĐỘ CHI CHO MỘT SỐ NỘI DUNG CHI THƯỜNG XUYÊN CHO HOẠT ĐỘNG CHUYÊN ĐỔI SỐ****Điều 3. Nguyên tắc áp dụng văn bản**

1. Nội dung, chế độ chi tại Chương này để phục vụ công tác lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên cho chuyển đổi số.
2. Đối với hoạt động chuyển đổi số thuộc chương trình, đề án, kế hoạch đã có văn bản quy định, hướng dẫn riêng về lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí thì thực hiện theo quy định tại văn bản hướng dẫn đó; trường hợp không có quy định riêng thì thực hiện theo hướng dẫn tại Chương này.
3. Trường hợp các định mức ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số do cơ quan có thẩm quyền đã ban hành không đáp ứng yêu cầu đặc thù, chuyên ngành của bộ, ngành, địa phương thì các bộ quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức xác định, ban hành định mức chuyển đổi số phù hợp với đặc thù, chuyên ngành của ngành, lĩnh vực địa phương mình.
4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một nội dung, mức chi thì áp dụng theo nguyên tắc quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện.

**Điều 4. Một số nội dung, chế độ chi cụ thể cho hoạt động chuyển đổi số**

Nội dung chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho hoạt động chuyển đổi số theo quy định tại Điều 35 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP. Một số nội dung và chế độ chi cụ thể như sau:

1. Chi xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng, tích hợp, kết nối hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu; hạ tầng

chuyển đổi số (không bao gồm mạng viễn thông công cộng, hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và hạ tầng truyền dẫn cho kết nối máy tới máy được xây dựng phục vụ mục tiêu kinh doanh); chi xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu

Các nội dung chi nêu trên được lập dự án đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 66 và Điều 67 của Nghị định .../2026/NĐ-CP, trừ các nội dung chi cho hoạt động chuyển đổi số quy định tại điểm c, d, đ khoản 1 Điều 66 của Nghị định số .../2025/NĐ-CP. Chi phí thành phần như sau:

a) Chi phí trang thiết bị:

Chi phí mua sắm trang thiết bị công nghệ số: Thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị phụ trợ và thiết bị ngoại vi, phần mềm thương mại và dịch vụ hỗ trợ đi kèm (theo yêu cầu của nhà sản xuất), phần mềm nội bộ và các thiết bị khác; chi phí vận chuyển, bảo hiểm thiết bị; thuế và các loại phí liên quan; Chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hoá, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu; Chi phí lắp đặt thiết bị; cài đặt phần mềm; kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị và phần mềm; Chi phí mua sắm, lắp đặt mạng, phụ kiện mạng công nghệ số và các chi phí khác phục vụ cho lắp đặt mạng; Chi phí đào tạo, tập huấn hướng dẫn sử dụng; chi phí đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có); Chi phí triển khai, tích hợp, kết nối, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao toàn bộ sản phẩm của dự án (nếu có);

b) Chi phí quản lý dự án: Gồm các chi phí để tổ chức thực hiện quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi hoàn thành, nghiệm thu bàn giao, đưa sản phẩm của dự án vào khai thác sử dụng, quyết toán và chi phí giám sát, đánh giá đầu tư dự án;

c) Chi phí tư vấn đầu tư: Chi phí khảo sát (nếu thực hiện khảo sát); lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật; điều tra, nghiên cứu phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tuyển chọn giải pháp; thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật; lập, điều chỉnh thiết kế chi tiết, hồ sơ thiết kế chi tiết; thẩm tra thiết kế chi tiết, hồ sơ thiết kế chi tiết; lập, thẩm định các nội dung trong quá trình lựa chọn nhà thầu; kiểm tra chất lượng vật liệu, thiết bị; đánh giá chất lượng sản phẩm; giám sát công tác triển khai; thực hiện các công việc tư vấn khác;

d) Chi phí khác: Phí và lệ phí; bảo hiểm (trừ chi phí bảo hiểm thiết bị quy định tại điểm a khoản này); kiểm thử; vận hành thử; kiểm toán; thẩm tra, phê duyệt quyết toán; lắp đặt và thuê đường truyền; chi phí thuê dịch vụ công nghệ số để phục vụ các hoạt động trong quá trình triển khai đầu tư dự án; chi phí thẩm định giá và các chi phí khác;

đ) Chi phí dự phòng: Chi phí dự phòng trượt giá trong thời gian thực hiện

dự án, chi phí dự phòng phát sinh khối lượng và chi phí dự phòng cho các khoản tạm tính (nếu có).

Trường hợp dự án được triển khai trên phạm vi nhiều địa điểm khác nhau hoặc ở nước ngoài, các chi phí quy định tại các điểm a, b, c, d khoản này được tính thêm chi phí di chuyển thiết bị và lực lượng lao động.

Tổng mức đầu tư, dự toán dự án được xác định theo quy định tại Điều 6, 7 của Thông tư này.

2. Chi mua sắm trang thiết bị công nghệ số, dịch vụ số bao gồm mua sắm trang thiết bị, phần cứng, phần mềm thương mại, cơ sở dữ liệu, công cụ, dịch vụ số và thiết bị công nghệ số khác phục vụ chuyển đổi số; mua sắm máy móc, thiết bị đầu cuối phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số theo chương trình, đề án, dự án; mua dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại thuộc hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin hiện có (không thuộc nội dung chi quy định tại khoản 1 Điều này) được xác định căn cứ theo một trong các thông tin sau:

- a) Báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất;
- b) Kết quả lựa chọn nhà thầu đối với trang thiết bị, hàng hóa, dịch vụ tương tự;
- c) Kết quả thẩm định giá của tổ chức có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá hoặc của hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật (nếu có);
- d) Giá niêm yết của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, đại lý, nhà phân phối, nhà cung ứng, doanh nghiệp;
- đ) Định mức thuộc ngành dữ liệu, an ninh mạng và lĩnh vực, chuyên ngành đặc thù khác (nếu có).

### 3. Chi thuê dịch vụ công nghệ số

a) Chi thuê dịch vụ công nghệ số sẵn có trên thị trường: Giá thuê dịch vụ (tính theo đơn giá của từng dịch vụ sử dụng hoặc đơn giá sản phẩm đầu ra của dịch vụ) được xác định trên cơ sở báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất dịch vụ tại thời điểm thuê dịch vụ;

b) Chi thuê dịch vụ công nghệ số không sẵn có trên thị trường: được thực hiện theo hình thức kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ số theo quy định tại khoản 3 Điều 66 và Điều 68 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP.

Dự toán thuê dịch vụ được xác định theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

### 4. Chi quản lý, giám sát, vận hành, bảo trì, duy trì, sửa chữa, hỗ trợ kỹ

thuật hạ tầng chuyển đổi số (không bao gồm mạng viễn thông công cộng, hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và hạ tầng truyền dẫn cho kết nối máy tới máy được xây dựng phục vụ mục tiêu kinh doanh), trang thiết bị công nghệ số, hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và các thiết bị phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu; gia hạn bảo hành theo chính sách của nhà sản xuất (bảo hành mở rộng)

a) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức làm thêm giờ để thực hiện các nhiệm vụ trên thì được thanh toán tiền lương làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức;

b) Trường hợp thuê tổ chức, cá nhân bên ngoài để thực hiện thì xác định trên cơ sở báo giá của nhà cung cấp dịch vụ hoặc giá niêm yết của nhà sản xuất đối với chi gia hạn bảo hành theo chính sách của nhà sản xuất (bảo hành mở rộng).

5. Triển khai các hoạt động bảo vệ an ninh mạng bao gồm mua sắm sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; thực hiện nhiệm vụ, biện pháp bảo vệ an ninh mạng theo quy định của pháp luật an ninh mạng.

a) Chi mua sắm sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng: được xác định theo Báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất; Kết quả lựa chọn nhà thầu đối với sản phẩm, dịch vụ tương tự; Kết quả thẩm định giá của tổ chức có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá hoặc của hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật (nếu có); Giá niêm yết của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, đại lý, nhà phân phối, nhà cung ứng, doanh nghiệp;

b) Chi nhiệm vụ, biện pháp bảo vệ an ninh mạng: được xác định theo định mức, đơn giá của pháp luật an ninh mạng, quy mô, mức độ, yêu cầu kỹ thuật, công nghệ, nhiệm vụ bảo vệ an ninh mạng và điều kiện thực tế.

Trường hợp nhiệm vụ, biện pháp bảo vệ an ninh mạng do cán bộ, công chức, viên chức làm thêm giờ để thực hiện thì các nhiệm vụ này được thanh toán tiền lương làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Đối với những nội dung mua sắm, thuê dịch vụ bên ngoài thì xác định theo quy định tại điểm a khoản này.

6. Số hóa thông tin, dữ liệu, tài liệu phục vụ chuyển đổi số được xác định

theo:

a) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức khi làm thêm giờ để thực hiện các nhiệm vụ này thì được thanh toán tiền lương làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

b) Trường hợp thuê tổ chức, cá nhân bên ngoài để thực hiện thì chi phí thuê tổ chức, cá nhân bên ngoài xác định theo báo giá của nhà cung cấp hoặc định mức thuộc ngành dữ liệu, lưu trữ (nếu có).

7. Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch, kiến trúc, quy chế, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chuyển đổi số và các hoạt động hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số

Căn cứ nhiệm vụ được giao, cơ quan, đơn vị lựa chọn và quyết định những nội dung chi dưới đây phù hợp với khả năng, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình:

a) Chi nghiên cứu, khảo sát, xây dựng, ban hành các chiến lược, chương trình, kế hoạch, kiến trúc, quy chế, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá về chuyển đổi số:

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và đội ngũ cán bộ của bộ phận chuyên trách (hoặc kiêm nhiệm) chuyển đổi số, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ này như là nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức khi làm thêm giờ để thực hiện các nhiệm vụ này được thanh toán tiền lương làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Trường hợp thuê ngoài để thực hiện, chi phí thuê tổ chức tư vấn nghiên cứu, khảo sát, xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch, kiến trúc, quy chế, định mức, đơn giá được xác định theo báo giá của nhà cung cấp hoặc xác định dự toán theo chuyên gia quy định tại mục III Phụ lục I của Thông tư này; chi thuê chuyên gia tư vấn thực hiện thì xác định theo quy định tại điểm d khoản này.

b) Chi nghiên cứu, khảo sát, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: thực hiện theo Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật, Quyết định số 815/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

c) Chi thuê chuyên gia tư vấn trong nước: thực hiện theo Thông tư số 07/2026/TT-BNV ngày 05/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.

Chi thuê chuyên gia tư vấn là người Việt Nam định cư ở người ngoài hoặc là người nước ngoài, cơ quan, đơn vị căn cứ nội dung yêu cầu của công việc thuê chuyên gia để thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả, hiệu quả của việc thuê chuyên gia, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Mức chi thực hiện theo thoả thuận với chuyên gia trên cơ sở yêu cầu chất lượng, số lượng và thời gian thực hiện công việc.

d) Chi điều tra, khảo sát: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC;

đ) Chi Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển và phổ cập năng lực số, bao gồm: chi công tác phí đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài cho đội ngũ chuyên gia đạt trình độ quốc tế trong lĩnh vực chuyên đổi số; chi nộp phí đào tạo theo quy định của các tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trong nước và quốc tế; chi phát triển xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực số; các hoạt động khác

có liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

e) Chi đi công tác trong nước: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư 12/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

g) Chi đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài.

h) Chi đoàn ra, đoàn vào, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

i) Chi cho công tác phiên dịch, biên dịch tài liệu: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

k) Chi hội thảo, hội nghị trong nước: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư 12/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Một số nội dung chi cụ thể thù lao tham gia hội thảo chuyên môn như sau:

- Người chủ trì hội thảo: tối đa 2.000.000 đồng/buổi;
- Thư ký hội thảo: tối đa 700.000 đồng/buổi;
- Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: tối đa 1.500.000 đồng/báo cáo;
- Thành viên tham gia hội: 300.000 đồng/thành viên/buổi.

l) Chi Truyền thông, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về chuyển đổi số; hướng dẫn và hỗ trợ tổ chức, cá nhân tiếp cận, sử dụng dịch vụ số và tham gia hoạt động trên môi trường số

- Chi tin, bài được đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước (không phải là báo điện tử): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/03/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản;

- Chi tin, bài được đăng trên báo in, báo điện tử: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử;

- Chi xây dựng chương trình phát thanh, truyền hình tuyên truyền, phổ biến: tham khảo quy định tại Thông tư số 01/2026/TT-BVHTTDL ngày 12/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình;

- Chi sản xuất tranh, ảnh, áp-phích, tờ rơi, tờ gấp, sách in, sách điện tử: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 42/2020/TT-BTTTT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản;

m) Các nội dung chi khác cho chuyển đổi số khác nếu không có mức chi do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì xác định theo báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất.

### **Chương III**

## **SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, DỰ TOÁN DỰ ÁN; DỰ TOÁN THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ KHÔNG SẴN CÓ TRÊN THỊ TRƯỜNG; CHI PHÍ QUẢN TRỊ, VẬN HÀNH VÀ BẢO TRÌ**

### **Mục 1. SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, DỰ TOÁN DỰ ÁN**

#### **Điều 5. Sơ bộ tổng mức đầu tư dự án**

Sơ bộ tổng mức đầu tư của dự án được xác định theo các phương pháp quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

##### **1. Phương pháp so sánh**

Trường hợp xét thấy có dự án, nhiệm vụ đã hoặc đang triển khai tương tự về phân loại, quy mô, nội dung đầu tư, thuê dịch vụ công nghệ số thì sơ bộ tổng mức đầu tư được ước tính từ các dữ liệu chi phí tổng mức đầu tư, dự toán của dự án, nhiệm vụ tương tự, quy đổi về thời điểm tính toán, có điều chỉnh, bổ sung những chi phí cần thiết khác. Cơ quan, đơn vị được giao tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, đơn vị tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (gọi chung là cơ quan, đơn vị lập chủ trương đầu tư) chịu trách nhiệm về việc phân tích, đánh giá mức độ tương tự của dự án.

##### **2. Phương pháp chuyên gia**

Trên cơ sở mục tiêu, quy mô, địa điểm, phạm vi, nội dung đầu tư, thuê dịch vụ công nghệ số của dự án, cơ quan, đơn vị lập chủ trương đầu tư thành lập tổ chuyên gia có kinh nghiệm, năng lực phù hợp để xác định sơ bộ tổng mức đầu tư.

##### **3. Phương pháp báo giá**

###### **a) Về số lượng báo giá:**

Việc xác định sơ bộ tổng mức đầu tư được căn cứ tối thiểu báo giá của 01 tổ chức, cá nhân cung cấp; khuyến khích thu thập báo giá của nhiều hơn 01 tổ chức, cá nhân cung cấp khác nhau. Trong quá trình xác định giá, cơ quan, đơn vị

lập chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm về số lượng báo giá cần thu thập, lựa chọn giá để lập sơ bộ tổng mức đầu tư.

b) Về phương thức lấy báo giá

Cơ quan, đơn vị lập chủ trương đầu tư gửi yêu cầu báo giá cho các tổ chức, cá nhân cung cấp hoặc đăng tải yêu cầu báo giá trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị lập chủ trương đầu tư hoặc đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong khoảng thời gian do cơ quan, đơn vị lập chủ trương đầu tư xác định.

c) Yêu cầu báo giá phải đầy đủ các nội dung sau: Mục tiêu, quy mô đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ; phạm vi đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ; địa điểm đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ; thời gian đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ; sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội và các nội dung khác liên quan do cơ quan, đơn vị lập chủ trương đầu tư xác định.

d) Tổ chức, cá nhân cung cấp báo giá cho cơ quan, đơn vị lập chủ trương đầu tư vào cùng một khoảng thời gian do cơ quan, đơn vị lập chủ trương đầu tư quy định và chịu trách nhiệm về báo giá với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

đ) Cơ quan, đơn vị lập chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm thu thập báo giá bảo đảm công khai, minh bạch.

4. Phương pháp căn cứ theo chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, đề án được duyệt

Trường hợp dự án được nêu, xác định trong các chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt và có kinh phí dự kiến thực hiện thì sơ bộ tổng mức đầu tư được xác định theo số kinh phí dự kiến đó.

5. Kết hợp các phương pháp

Tùy theo điều kiện, yêu cầu cụ thể của dự án và nguồn cơ sở dữ liệu, có

thể kết hợp các phương pháp tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này để xác định sơ bộ tổng mức đầu tư.

### **Điều 6. Tổng mức đầu tư, dự toán dự án**

Tổng mức đầu tư dự án quy định tại Điều 50 và Điều 67 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP, dự toán dự án quy định tại khoản 5 Điều 53 và khoản 11 Điều 67 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP được xác định như sau:

1. Tổng mức đầu tư, dự toán dự án được tính theo công thức sau:

$$G = G_{TB/DV} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K + G_{DP}$$

Trong đó:

- G: Tổng mức đầu tư của dự án (đồng);
- $G_{TB/DV}$ : Chi phí trang thiết bị/Chi phí thuê dịch vụ công nghệ số<sup>1</sup> (đồng);
- $G_{QLDA}$ : Chi phí quản lý dự án (đồng);
- $G_{TV}$ : Chi phí tư vấn đầu tư (đồng);
- $G_K$ : Chi phí khác (đồng);
- $G_{DP}$ : Chi phí dự phòng (đồng).

2. Xác định chi phí trang thiết bị ( $G_{TB}$ )/Chi phí thuê dịch vụ công nghệ số ( $G_{DV}$ )

a) Chi phí trang thiết bị ( $G_{TB}$ )

Chi phí trang thiết bị được xác định theo công thức sau:

$$G_{TB} = G_{MS} + G_{CSDL} + G_{LD} + G_{DT} + G_{TK} + G_{VC} + G_K$$

Trong đó:

- $G_{MS}$ : Chi phí mua sắm trang thiết bị công nghệ số bao gồm thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị phụ trợ và thiết bị ngoại vi, phần mềm thương mại và dịch vụ hỗ trợ đi kèm (theo yêu cầu của

<sup>1</sup> Chi phí thuê dịch vụ công nghệ số không áp dụng đối với tổng mức đầu tư dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, dự toán dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước chi cho đầu tư công, dự toán dự án sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

nhà sản xuất), phần mềm phổ biến (bao gồm phần sửa đổi, bổ sung một số chức năng, tính năng, hiệu năng) và các thiết bị khác; chi phí vận chuyển, bảo hiểm thiết bị (trường hợp tính trong chi phí mua sắm trang thiết bị); chi phí di chuyển thiết bị và lực lượng lao động; thuế và các loại phí liên quan.

-  $G_{\text{CSDL}}$ : Chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hoá, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu.

-  $G_{\text{LD}}$ : Chi phí lắp đặt thiết bị; cài đặt phần mềm; kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị và phần mềm; Chi phí mua sắm, lắp đặt mạng, phụ kiện mạng công nghệ số và các chi phí khác phục vụ cho lắp đặt mạng.

-  $G_{\text{ĐT}}$ : Chi phí đào tạo, tập huấn hướng dẫn sử dụng; chi phí đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có).

-  $G_{\text{TK}}$ : Chi phí triển khai, tích hợp, kết nối, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao toàn bộ sản phẩm của dự án (nếu có).

-  $G_{\text{VC}}$ : Chi phí vận chuyển, bảo hiểm thiết bị (nếu có và nếu chưa được tính trong chi phí mua sắm trang thiết bị).

-  $G_{\text{K}}$ : Các chi phí khác có liên quan (nếu có) của chi phí trang thiết bị.

a1) Chi phí mua sắm trang thiết bị công nghệ số ( $G_{\text{MS}}$ )

Thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị phụ trợ và thiết bị ngoại vi, phần mềm thương mại và dịch vụ hỗ trợ đi kèm (theo yêu cầu của nhà sản xuất), phần mềm nội bộ, phần mềm phổ biến (bao gồm phần sửa đổi, bổ sung một số chức năng, tính năng, hiệu năng) và các thiết bị khác được tính theo khối lượng, số lượng, chủng loại thiết bị và giá thiết bị tương ứng. Khối lượng, số lượng, chủng loại thiết bị được xác định tại thiết kế cơ sở (đối với dự án thiết kế 02 bước) hoặc thiết kế chi tiết (đối với dự án thiết kế 01 bước hoặc dự án thiết kế 02 bước không có hạng mục phần mềm nội bộ). Giá trang thiết bị được xác định theo các phương pháp quy định tại khoản 4 Điều 50 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP và hướng dẫn chi tiết các phương

pháp quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

a2) Chi phí lắp đặt thiết bị; cài đặt phần mềm; kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị và phần mềm; Chi phí mua sắm, lắp đặt mạng, phụ kiện mạng công nghệ số và các chi phí khác phục vụ cho lắp đặt mạng ( $G_{LD}$ ); Chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hoá, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu ( $G_{CSDL}$ ); Chi phí đào tạo, tập huấn hướng dẫn sử dụng; chi phí đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có) ( $G_{DT}$ ); Chi phí triển khai, tích hợp, kết nối, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao toàn bộ sản phẩm của dự án (nếu có) ( $G_{TK}$ ); Chi phí vận chuyển, bảo hiểm thiết bị (nếu có) ( $G_{VC}$ ): Được tính theo khối lượng lắp đặt, cài đặt, kiểm tra, hiệu chỉnh phần mềm, thiết bị; tạo lập cơ sở dữ liệu; đào tạo, tập huấn; triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành tại thiết kế cơ sở (đối với dự án thiết kế 02 bước) hoặc thiết kế chi tiết (đối với dự án thiết kế 01 bước hoặc dự án thiết kế 02 bước không có hạng mục phần mềm nội bộ) và được xác định theo các phương pháp quy định tại khoản 4 Điều 50 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP và hướng dẫn chi tiết các phương pháp tại Phụ lục I của Thông tư này;

a3) Thuế và các loại phí liên quan: Được xác định theo các quy định của pháp luật về thuế, phí;

a4) Chi phí khác có liên quan (nếu có) của chi phí trang thiết bị ( $G_K$ ): Được xác định theo các phương pháp quy định tại khoản 4 Điều 50 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP và hướng dẫn chi tiết các phương pháp tại Phụ lục I của Thông tư này.

b) Chi phí thuê dịch vụ công nghệ số ( $G_{DV}$ )

Chi phí thuê dịch vụ công nghệ số được xác định theo công thức sau:

$$G_{DV} = G_{DVCNS} + G_{VH}$$

Trong đó:

-  $G_{DVCNS}$ : Chi phí thuê dịch vụ phần mềm, hạ tầng số (đồng);

-  $G_{VH}$ : Chi phí quản trị, vận hành, bảo trì dịch vụ (đồng);

b1) Chi phí thuê dịch vụ phần mềm, hạ tầng số ( $G_{DVCNS}$ ), chi phí quản trị, vận hành, bảo trì dịch vụ ( $G_{VH}$ ) được xác định theo các phương pháp quy định tại khoản 4 Điều 50 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP và hướng dẫn chi tiết các phương pháp tại Phụ lục I của Thông tư này.

Chi phí quản trị, vận hành, bảo trì dịch vụ phải được xác định căn cứ trên các nội dung công việc quản trị, vận hành và bảo trì dịch vụ theo quy định tại Điều 8, 9 của Thông tư này và cần xác định rõ trách nhiệm thực hiện giữa chủ đầu tư và đơn vị cung cấp dịch vụ đối với từng công việc quản trị, vận hành, bảo trì dịch vụ.

b2) Thuế và các loại phí liên quan: Được xác định theo các quy định của pháp luật về thuế, phí.

3. Xác định chi phí quản lý dự án ( $G_{QLDA}$ ),

a) Chi phí quản lý dự án được xác định theo công thức sau:

$$G_{QLDA} = G_{THQLDA} + G_{GSDGDT}$$

Trong đó:

-  $G_{THQLDA}$ : Các chi phí để tổ chức thực hiện các công việc quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi hoàn thành, nghiệm thu bàn giao, đưa sản phẩm của dự án vào khai thác sử dụng, quyết toán (*gọi chung là chi phí thực hiện quản lý dự án*);

-  $G_{GSDGDT}$ : Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư.

b) Trường hợp thuê tư vấn để thực hiện (tư vấn thực hiện quản lý dự án; tư vấn giám sát, đánh giá đầu tư) thì xác định chi phí quản lý dự án quy định tại khoản 5 Điều 50 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP và hướng dẫn chi tiết các phương pháp tại Phụ lục I của Thông tư này.

Tổng chi phí quản lý dự án phần công việc do chủ đầu tư đã thực hiện và phần công việc do tư vấn quản lý dự án thực hiện (trường hợp thuê tư vấn)

không vượt quá chi phí quản lý dự án đã được phê duyệt trong tổng mức đầu tư.

c) Trường hợp chủ đầu tư tự thực hiện quản lý dự án:

- Chi phí thực hiện quản lý dự án: Được xác định theo hướng dẫn tại điểm c khoản 5 Điều này;

- Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư: Được xác định theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều này.

4. Xác định chi phí tư vấn đầu tư ( $G_{TV}$ ) và chi phí khác ( $G_K$ )

a) Chi phí tư vấn đầu tư được xác định theo công thức sau:

$$G_{TV} = \sum_{i=1}^n C_i \times (1 + T_i^{GTGT-TV}) + \sum_{k=1}^m D_k$$

Trong đó:

-  $C_i$ : Chi phí tư vấn thứ  $i$  ( $i=1 \div n$ ) (đồng);

-  $T_i^{GTGT-TV}$ : Mức thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành đối với khoản mục chi phí tư vấn đầu tư thứ  $i$ .

-  $D_k$ : chi phí tư vấn thứ  $k$  khác ( $k=1 \div l$ ) (đồng);

Từng chi phí tư vấn được xác định theo các phương pháp quy định tại khoản 5 Điều 50 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP và hướng dẫn chi tiết các phương pháp tại Phụ lục I của Thông tư này.

b) Chi phí khác được xác định theo công thức sau:

Tổng hợp chi phí khác trong dự toán dự án được xác định theo công thức:

$$G_K = \sum_{i=1}^n C_i \times (1 + T_i^{GTGT-K}) + \sum_{k=1}^m D_k$$

Trong đó :

- $C_i$ : chi phí khác thứ  $i$  ( $i=1 \div n$ ) (đồng);
- $D_k$ : chi phí khác thứ  $k$  ( $k=1 \div l$ ) (đồng);
- $T_i^{GTGT-K}$ : mức thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành đối với khoản mục chi phí khác thứ  $i$ .

Từng chi phí khác được xác định theo các phương pháp quy định tại khoản 4 Điều 50 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP và hướng dẫn chi tiết các phương pháp tại Phụ lục I của Thông tư này, trừ chi phí kiểm toán, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn được xác định theo quy định tại khoản 5 Điều này.

#### 5. Xác định chi phí dự phòng ( $G_{DP}$ )

Chi phí dự phòng được xác định bằng tổng của chi phí dự phòng trượt giá trong thời gian thực hiện dự án, chi phí dự phòng phát sinh khối lượng và chi phí dự phòng cho các khoản tạm tính (nếu có) theo công thức:

$$G_{DP} = (G_{TB} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K) \times K_{dp}$$

Trong đó:

- $K_{dp}$ : hệ số dự phòng tối đa là 10% (trong tổng mức đầu tư), 7% (trong dự toán).
- Trường hợp lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật thì hệ số dự phòng  $K_{dp}$  tối đa là 05%.

Trường hợp dự án được triển khai trên phạm vi nhiều địa điểm khác nhau hoặc ở nước ngoài, các chi phí quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều này được tính thêm chi phí di chuyển thiết bị và lực lượng lao động. Chi phí di chuyển thiết bị và lực lượng lao động được tính trong chi phí khác có liên quan của chi phí trang thiết bị quy định tại điểm a4 khoản 2 Điều này.

6. Trường hợp các chi phí trong tổng mức đầu tư dự án do chủ đầu tư tự thực hiện hoặc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thì được xác định theo quy định tại khoản 6 Điều 50 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP. Cụ thể:

- a) Chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, chuyển đổi phục vụ cho nhập

dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 4 của Thông tư này

b) Chi phí đào tạo, tập huấn hướng dẫn sử dụng; chi phí đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

c) Chi phí quản lý dự án: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 108/2021/TT-BTC ngày 08/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công.

d) Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 19/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

đ) Phí thẩm định dự án: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

e) Chi phí thẩm định và thuê tư vấn thẩm tra các dự án quan trọng quốc gia do Hội đồng thẩm định nhà nước thực hiện: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 19/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

g) Chi phí kiểm toán độc lập; chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

g) Chi phí lập, thẩm định các nội dung trong quá trình lựa chọn nhà thầu (lập, thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; chi phí đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; chi phí thẩm định kết quả lựa

chọn nhà thầu, ...): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

h) Các chi phí khác thực hiện theo văn bản hướng dẫn lập dự toán, quản lý sử dụng kinh phí, mức chi đã được cơ quan có thẩm quyền quy định (nếu có).

i) Trường hợp các chi phí trong tổng mức đầu tư không thuộc phạm vi quy định, hướng dẫn lập dự toán, quản lý sử dụng kinh phí, mức chi đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành thì thực hiện lập dự toán theo khối lượng và đơn giá.

7. Trường hợp dự án đầu tư hệ thống có hạng mục phần mềm nội bộ thì tổng mức đầu tư là dự toán được duyệt để làm căn cứ thực hiện và thanh quyết toán gói thầu thiết kế chi tiết và triển khai (EP).

## **Mục 2. DỰ TOÁN THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ KHÔNG SẴN CÓ TRÊN THỊ TRƯỜNG**

### **Điều 7. Dự toán thuê dịch vụ công nghệ số không sẵn có trên thị trường**

Dự toán thuê dịch vụ công nghệ số không sẵn có trên thị trường quy định tại điểm h khoản 2 được Điều 68 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP được xác định như sau:

1. Dự toán thuê dịch vụ được tính theo công thức sau:

$$G = G_{DV} + G_{QL} + G_{TV} + G_K + G_{DP}$$

Trong đó:

- G: Dự toán thuê dịch vụ (đồng);
- $G_{DV}$ : Chi phí thuê dịch vụ công nghệ số (đồng);
- $G_{QL}$ : Chi phí quản lý (đồng);
- $G_{TV}$ : Chi phí tư vấn (đồng);
- $G_K$ : Chi phí khác (đồng);
- $G_{DP}$ : Chi phí dự phòng (đồng).

## 2. Xác định chi phí thuê dịch vụ công nghệ số ( $G_{DV}$ )

a) Chi phí thuê dịch vụ được xác định theo công thức sau:

$$G_{DV} = G_{DVCNS} + G_{VH}$$

Trong đó:

- $G_{DVCNS}$ : Chi phí thuê dịch vụ phần mềm, hạ tầng số (đồng);
- $G_{VH}$ : Chi phí quản trị, vận hành, bảo trì dịch vụ (đồng);

Chi phí thuê dịch vụ phần mềm, hạ tầng số ( $G_{DVCNS}$ ), chi phí quản trị, vận hành, bảo trì dịch vụ ( $G_{VH}$ ) được xác định theo các phương pháp quy định tại khoản 3 Điều 68 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP và hướng dẫn chi tiết các phương pháp tại các Phụ lục I của Thông tư này.

Chi phí quản trị, vận hành, bảo trì dịch vụ phải được xác định căn cứ trên các nội dung công việc quản trị, vận hành và bảo trì dịch vụ theo quy định tại Điều 8, 9 của Thông tư này và cần xác định rõ trách nhiệm thực hiện giữa chủ trì thuê dịch vụ và đơn vị cung cấp dịch vụ đối với từng công việc quản trị, vận hành, bảo trì dịch vụ.

b) Thuế và các loại phí liên quan: Được xác định theo các quy định của pháp luật về thuế, phí.

## 3. Xác định chi phí quản lý ( $G_{QL}$ ), chi phí tư vấn ( $G_{TV}$ ) và chi phí khác ( $G_k$ )

Chi phí quản lý, chi phí tư vấn và chi phí khác được xác định theo các phương pháp quy định tại khoản 3 Điều 68 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP và hướng dẫn chi tiết các phương pháp tại Phụ lục I của Thông tư.

## 4. Xác định chi phí dự phòng

Chi phí dự phòng ( $G_{DP}$ ) được xác định bằng tổng của chi phí dự phòng phát sinh khối lượng và chi phí dự phòng cho các khoản tạm tính (nếu có) theo công thức:

$$G_{DP} = (G_{DV} + G_{QL} + G_{TV} + G_k) \times K_{dp}$$

Trong đó:

- $K_{dp}$ : hệ số dự phòng tối đa là 10%.

5. Trường hợp các chi phí trong dự toán thuê dịch vụ do chủ trì thuê tự thực hiện hoặc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thì được xác định theo hướng dẫn tại khoản 6 Điều 6 của Thông tư này.

### **MỤC 3. QUẢN TRỊ, VẬN HÀNH VÀ BẢO TRÌ NỀN TẢNG SỐ, HỆ THỐNG THÔNG TIN, PHẦN CỨNG, PHẦN MỀM, CƠ SỞ DỮ LIỆU**

#### **Điều 8. Nội dung công việc quản trị, vận hành nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu**

Nội dung công việc quản trị, vận hành hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu là cơ sở để xác định khối lượng thực hiện quản trị, vận hành. Nội dung hướng dẫn dưới đây là các nội dung chủ yếu của hoạt động quản trị, vận hành hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu; trong quá trình thực hiện quản trị, vận hành, cơ quan, đơn vị xem xét, lựa chọn áp dụng một số hoặc toàn bộ các nội dung và bổ sung, cập nhật các nội dung khác phù hợp với điều kiện triển khai.

##### 1. Nội dung công việc bảo đảm thực hiện quản trị, vận hành

- a) Bố trí, sắp xếp nhân lực thực hiện quản trị, vận hành;
- b) Bố trí, sắp xếp nguồn lực (cơ sở hạ tầng, điện, nước, vệ sinh, an toàn an ninh mạng, đường truyền, bảo mật...) để quản trị, vận hành;
- c) Các công việc khác bảo đảm cho việc thực hiện quản trị, vận hành tùy theo thực tế của hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu do cơ quan, đơn vị quản trị, vận hành xác định.

##### 2. Nội dung công việc quản trị ứng dụng đang hoạt động

- a) Kiểm tra kết quả vận hành ứng dụng hoặc theo dõi nhật ký (log) hoạt động của hệ thống ứng dụng;

- b) Xác định nguyên nhân lỗi hoặc có khả năng gây ra lỗi ứng dụng;
- c) Đề xuất xử lý hoặc giám sát kết quả xử lý các sự cố phát sinh trong quá trình vận hành ứng dụng;
- d) Đề xuất giải pháp để tối ưu hoạt động cho ứng dụng, chức năng hoặc một nhóm chức năng của ứng dụng;
- đ) Kiểm tra, xác định yêu cầu hỗ trợ để xác định lỗi ứng dụng hoặc yêu cầu phát sinh hoặc hướng dẫn sử dụng;
- e) Kiểm tra, xác định yêu cầu hỗ trợ để bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình quản trị, vận hành;
- g) Kiểm tra kết quả xử lý lỗi, xử lý các vấn đề bảo đảm an toàn thông tin;
- h) Thực hiện khắc phục sai lệch dữ liệu khi có công cụ và giải pháp xử lý;
- i) Xây dựng công cụ hoặc câu lệnh kết xuất dữ liệu theo yêu cầu;
- k) Diễn tập ứng cứu thông tin định kỳ (nếu có); ...

### 3. Nội dung công việc quản trị hoạt động người sử dụng ứng dụng

- a) Phối hợp xây dựng, hoàn thiện quy chế, quy định về phân quyền, giám sát sử dụng ứng dụng.
- b) Thực hiện tạo hoặc cập nhật thông tin, khóa tài khoản người sử dụng, phân quyền theo quy định.
- c) Giám sát và lập báo cáo về việc tuân thủ quy chế, quy định phân quyền ứng dụng theo quy định.
- d) Giám sát và lập báo cáo giám sát hoạt động của người dùng trên hệ thống;

4. Nội dung công việc kiểm soát, đối soát dữ liệu theo công cụ và giải pháp có sẵn;

5. Nội dung công việc tiếp nhận, kiểm tra và hỗ trợ các yêu cầu không liên quan đến cập nhật dữ liệu

a) Tiếp nhận, kiểm tra và hỗ trợ các yêu cầu hướng dẫn sử dụng chức năng trên ứng dụng hoặc kiểm tra dữ liệu;

b) Tiếp nhận, kiểm tra và hỗ trợ các yêu cầu hướng dẫn người sử dụng tra cứu số liệu trên chức năng ứng dụng;

c) Tiếp nhận, phân tích, kiểm tra và hỗ trợ yêu cầu lỗi không vào được ứng dụng do lỗi hệ thống, cơ sở dữ liệu, đường truyền;

d) Kiểm tra lại ứng dụng sau khi khắc phục được hệ thống, cơ sở dữ liệu, đường truyền; ...

6. Nội dung công việc tiếp nhận, kiểm tra và hỗ trợ các yêu cầu liên quan đến xử lý dữ liệu

a) Tiếp nhận, kiểm tra dữ liệu của một người dùng theo yêu cầu;

b) Cập nhật dữ liệu theo công cụ hoặc câu lệnh có sẵn theo yêu cầu;

c) Tổng hợp kết quả rà soát dữ liệu và chuyển cho bộ phận chuyên trách xử lý;

7. Nội dung công việc lập báo cáo, tài liệu hoặc quy trình hướng dẫn thường gặp

a) Lập báo cáo liên quan đến công tác hỗ trợ;

b) Xây dựng tài liệu hướng dẫn xử lý các tình huống thường gặp trong quá trình hỗ trợ; ...

8. Nội dung công việc tiếp nhận, phân tích và xây dựng công cụ hoặc câu lệnh khai thác dữ liệu liên quan;

9. Nội dung công việc vận hành hệ thống

a) Tiếp nhận, phân tích, phân loại thực hiện hỗ trợ xử lý khắc phục sự cố;

b) Tiếp nhận, đề xuất giải pháp và cập nhật dữ liệu theo yêu cầu;

c) Kiểm tra hệ thống định kỳ hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng và các phát sinh theo yêu cầu nhằm kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống thông

tin, phần cứng, phần mềm tiến hành phân tích và đề xuất phương án xử lý;

d) Thực hiện xử lý sự cố bảo mật các hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm và ứng dụng (các trang tin, dịch vụ web (webservice)...và các ứng dụng giao dịch trực tuyến);

đ) Hỗ trợ ứng cứu các sự cố ngừng hoạt động hệ thống, khôi phục hệ thống thông tin, tấn công có chủ đích;

e) Số hóa các tài liệu liên quan đến các yêu cầu hỗ trợ;

g) Xây dựng cơ sở tri thức cho công tác thực hiện hỗ trợ khắc phục xử lý sự cố;

h) Bảo đảm an ninh mạng trong quá trình vận hành.

10. Các công việc quản trị, vận hành cần thiết khác.

### **Điều 9. Nội dung công việc bảo trì nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu**

Nội dung công việc bảo trì hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu là cơ sở để xác định khối lượng thực hiện bảo trì. Nội dung hướng dẫn dưới đây là các nội dung chủ yếu của hoạt động bảo trì hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu; trong quá trình thực hiện bảo trì, cơ quan, đơn vị xem xét, lựa chọn áp dụng một số hoặc toàn bộ các nội dung và bổ sung, cập nhật các nội dung khác phù hợp với điều kiện triển khai.

1. Nội dung công việc bảo đảm thực hiện bảo trì

a) Bố trí, sắp xếp nhân lực thực hiện bảo trì;

b) Bố trí, sắp xếp nguồn lực (cơ sở hạ tầng, điện, nước, vệ sinh, an ninh, đường truyền, bảo mật...) để thực hiện bảo trì;

c) Các công việc khác bảo đảm cho việc thực hiện bảo trì tùy theo thực tế của hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu do cơ quan, đơn vị xác định.

2. Nội dung công việc chung

- a) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất phục vụ việc bảo trì;
- b) Bảo đảm an ninh mạng;
- c) Bảo trì theo kế hoạch bảo trì hàng năm;
- d) Tối ưu hóa, cấu hình hệ thống thông tin để bảo đảm hiệu năng hệ thống, bảo đảm an toàn thông tin mạng; sửa chữa hệ thống thông tin định kỳ và đột xuất nếu có sự cố hoặc theo yêu cầu.

### 3. Nội dung công việc bảo trì phần cứng

- a) Vệ sinh các thiết bị;
- b) Kiểm tra các kết nối của các thiết bị ngoại vi, kết nối nguồn, kết nối mạng, kết nối hệ thống của các thiết bị;
- c) Kiểm tra môi trường hoạt động, độ ẩm, nhiệt độ, hệ thống làm mát;
- d) Lấy bản ghi nhật ký hệ thống hoạt động (log dữ liệu), kiểm tra các đèn cảnh báo;
- đ) Chạy các chương trình kiểm tra hiệu năng máy tính, máy chủ về trạng thái hoạt động của thiết bị;
- e) Kiểm tra danh mục các phần mềm được phép chạy trên máy tính, máy chủ và loại bỏ các phần mềm không được phép trên máy tính, máy chủ;
- g) Kiểm tra toàn bộ hệ thống trong phạm vi bảo trì và ghi nhận hiện trạng phục vụ cho các kỳ bảo trì tiếp theo;
- h) Kiểm tra và cập nhật phiên bản mới, bản vá lỗi (nếu có thể);
- i) Đề xuất thay thế hoặc sửa chữa các thiết bị hỏng hóc phát sinh trong giai đoạn bảo trì, không còn bảo hành (nếu có); ...

### 4. Nội dung công việc bảo trì, duy trì, cập nhật bản quyền phần mềm

- a) Đối với phần mềm thương mại: Nội dung các công việc bảo trì, duy trì, cập nhật bản quyền phần mềm theo quy định của nhà cung cấp hoặc theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng hệ thống thông tin.

b) Đối với phần mềm nội bộ: Kiểm tra, theo dõi hiện trạng hoạt động của phần mềm nội bộ; Sao lưu cơ sở dữ liệu, mã nguồn định kỳ hoặc khi xảy ra sự cố, nâng cấp phần mềm; Kiểm tra tính toàn vẹn các cơ sở dữ liệu sau khi sao lưu; Kiểm tra sửa chữa các lỗi cơ sở dữ liệu, sao lưu dữ liệu định kỳ; Sửa lỗi phần mềm trong phạm vi các chức năng đã có của phần mềm; hỗ trợ cập nhật các bản nâng cấp, vá lỗi phần mềm; Kiểm tra hiệu suất và khả năng chịu tải của phần mềm; Thiết lập tối ưu hóa hệ cơ sở dữ liệu của phần mềm; Hỗ trợ kỹ thuật trong việc cài đặt phần mềm; Kiểm tra và cập nhật các bản vá lỗi, bản vá lỗ hổng An toàn thông tin đối với hệ điều hành, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, máy chủ web (webserver), ... và các thành phần cấu thành nên hệ thống phần mềm; ...

#### 5. Nội dung công việc bảo đảm an ninh mạng

a) Kiểm tra, đánh giá hiệu quả của các biện pháp bảo đảm an ninh mạng theo phương án bảo đảm an ninh mạng được phê duyệt theo quy định;

b) Kiểm tra, đánh giá phát hiện mã độc, lỗ hổng, điểm yếu, thử nghiệm xâm nhập hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật an ninh mạng.

c) Duy trì, gia hạn bản quyền, nâng cấp sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng để đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm an ninh mạng; ...

#### 6. Các công việc bảo trì cần thiết khác.

7. Nội dung công việc bảo trì quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này không bao gồm các nội dung công việc thuộc trách nhiệm bảo hành của nhà thầu triển khai theo quy định tại Điều 60 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP và nội dung nâng cấp phần mềm theo quy định tại khoản 10 Điều 3 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP.

### **Điều 10. Dự toán chi phí quản trị, vận hành và bảo trì nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu**

1. Trường hợp cơ quan, đơn vị tự thực hiện quản trị, vận hành và bảo trì nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu thì nội dung công việc thực hiện theo quy định tại Điều 8, 9 của Thông tư này.

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức làm thêm giờ để thực hiện các nhiệm vụ trên thì được thanh toán tiền lương làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

2. Trường hợp cơ quan, đơn vị tự thuê tổ chức, cá nhân thực hiện quản trị, vận hành và bảo trì nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu thì dự toán chi phí được xác định trên cơ sở báo giá của nhà cung cấp dịch vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 61 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP. Phương pháp báo giá của nhà cung cấp dịch vụ theo hướng dẫn tại mục I Phụ lục I của Thông tư này.

### **Mục 3. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, DỰ TOÁN DỰ ÁN, DỰ TOÁN THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ CỦA DỰ ÁN, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN THEO HÌNH THỨC ĐẶT HÀNG**

#### **Điều 11. Tổng mức đầu tư, dự toán dự án**

1. Đối với dự án thực hiện theo hình thức đặt hàng quy định tại khoản 8 Điều 40 và điểm a khoản 7 Điều 41 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP, tổng mức đầu tư, dự toán dự án (nếu có) được xác định theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

2. Tổng mức đầu tư, dự toán phải được xác định đúng, đủ chi tiết để làm cơ sở cho nhà thầu triển khai thực hiện đầu tư, mua sắm.

3. Nhà thầu triển khai có trách nhiệm hạch toán, theo dõi riêng các khoản chi phí thực tế để thực hiện lập dự án, thiết kế và triển khai đầu tư, mua sắm hoặc lập dự án và cung cấp dịch vụ công nghệ số hoặc lập thiết kế triển khai đầu tư, mua sắm của dự án và thực hiện kiểm toán độc lập để làm căn cứ xác định giá đặt hàng được thanh toán.

#### **Điều 12. Dự toán thuê dịch vụ công nghệ số**

1. Đối với nhiệm vụ thuê dịch vụ công nghệ số thực hiện theo hình thức

đặt hàng quy định tại khoản 8 Điều 40 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP, chi phí thuê dịch vụ công nghệ số được xác định theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

2. Chi phí thuê dịch vụ phải được xác định đúng, đủ chi tiết để làm cơ sở cho nhà thầu triển khai cung cấp dịch vụ công nghệ số.

3. Nhà thầu triển khai có trách nhiệm hạch toán, theo dõi riêng các khoản chi phí thực tế để thực hiện lập kế hoạch, cung cấp dịch vụ công nghệ số và thực hiện kiểm toán độc lập để làm căn cứ xác định giá đặt hàng được thanh toán.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 13. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày            tháng            năm 2026.

2. Quy định chuyên tiếp đối với các nội dung trong hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 93 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP.

3. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

#### **Điều 14. Tổ chức thực hiện**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Chuyển đổi số quốc gia) để xem xét, hướng dẫn./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý, xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ; Cổng thông tin điện tử của Bộ;
- Đơn vị chuyên trách CNTT các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu : VT, CĐSQG. TTT (05).

**BỘ TRƯỞNG****Vũ Hải Quân**

**Phụ lục**  
**PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, DỰ TOÁN**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BKHCN ngày tháng năm*  
*của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**I. Phương pháp báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất**

**1. Về số lượng báo giá:**

Việc xác định chi phí được căn cứ tối thiểu báo giá của 01 tổ chức, cá nhân cung cấp; khuyến khích thu thập báo giá của nhiều hơn 01 tổ chức, cá nhân cung cấp khác nhau và được lấy giá trung bình của các báo giá. Trong quá trình xác định giá, chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoặc tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật (đối với dự án), cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách (đối với nhiệm vụ không hình thành dự án) (gọi chung là cơ quan, đơn vị lập dự toán chi phí) chịu trách nhiệm về số lượng báo giá cần thu thập, lựa chọn giá để lập dự toán chi phí.

**2. Về phương thức lấy báo giá**

Cơ quan, đơn vị lập dự toán chi phí gửi yêu cầu báo giá cho các tổ chức, cá nhân cung cấp hoặc đăng tải yêu cầu báo giá trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị lập dự toán chi phí hoặc đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong khoảng thời gian do cơ quan, đơn vị lập dự toán chi phí xác định.

**3. Yêu cầu báo giá phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau:**

a) Đối với chi phí mua sắm thiết bị, phần cứng, phần mềm không phải phần mềm nội bộ:

- Xác định tổng mức đầu tư: Các thông tin phù hợp với báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và thiết kế cơ sở (thiết kế 02 bước) hoặc thiết kế chi tiết (thiết kế 01 bước) bao gồm tên thiết bị, phần mềm; thông số kỹ thuật, số lượng thiết bị phần cứng, phần mềm; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng (nếu có); các yêu cầu về kỹ thuật của thiết bị, phần mềm;

- Xác định dự toán: Các thông tin phù hợp với thiết kế chi tiết bao gồm

tên thiết bị, phần mềm; thông số kỹ thuật, số lượng thiết bị phần cứng, phần mềm; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng (nếu có); các yêu cầu về kỹ thuật của thiết bị, phần mềm;

b) Đối với xác định chi phí phần mềm nội bộ:

- Trường hợp thiết kế 02 bước: Các thông tin quy định tại điểm d khoản 2 Điều 47 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP và phù hợp với báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, thiết kế cơ sở.

- Trường hợp thiết kế 01 bước: Các thông tin quy định tại điểm d khoản 2 Điều 48 của Nghị định số .../2026/NĐ-CP và phù hợp với báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, thiết kế chi tiết.

c) Đối với xác định chi phí lắp đặt thiết bị; Chi phí cài đặt phần mềm; Chi phí kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị và phần mềm; Chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu; Chi phí chuẩn hóa, chuyên đổi phục vụ cho nhập dữ liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu; Chi phí thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu; Chi phí mua sắm, lắp đặt mạng, phụ kiện mạng công nghệ số và các chi phí khác phục vụ cho lắp đặt mạng; Chi phí đào tạo, tập huấn hướng dẫn sử dụng; Chi phí đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có); Chi phí triển khai, tích hợp, kết nối, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao toàn bộ sản phẩm của dự án (nếu có); Chi phí vận chuyển, bảo hiểm thiết bị; Chi phí di chuyển thiết bị và lực lượng lao động; Chi phí khác có liên quan (nếu có) của chi phí trang thiết bị; Chi phí quản lý dự án; Chi phí tư vấn đầu tư; Chi phí khác: Các thông tin về mục tiêu, quy mô, khối lượng, yêu cầu kỹ thuật (nếu có), yêu cầu chất lượng đối với từng nội dung công việc.

d) Đối với xác định chi phí thuê dịch vụ công nghệ số thuộc dự án thuê dịch vụ công nghệ số hoặc kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ số: Các thông tin về tên dịch vụ công nghệ số; Hạng mục chính cần thuê; mục tiêu, nội dung, thời gian thuê, quy mô, phạm vi, địa điểm, cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ; Yêu cầu về chất lượng dịch vụ công nghệ số; Yêu cầu, điều kiện về kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở

dữ liệu liên quan.

đ) Đối với xác định chi phí quản trị, vận hành và bảo trì hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu: Các thông tin về mục tiêu, quy mô, khối lượng, yêu cầu kỹ thuật (nếu có) đối với từng nội dung công việc quản trị, vận hành và bảo trì hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu quy định tại Điều 8, 9 của Thông tư này.

4. Báo giá của tổ chức, cá nhân phải bảo đảm xác định được tổng mức đầu tư, dự toán hoặc điều chỉnh, bổ sung tổng mức đầu tư, dự toán của dự án hoặc nhiệm vụ (nếu có). Báo giá phải đầy đủ các thông tin sau: Chi phí của từng trang thiết bị, nội dung công việc, dịch vụ theo khối lượng, đơn giá cụ thể, thời gian của yêu cầu báo giá; chi phí chung (gồm chi phí liên quan đến tiền lương của bộ phận quản lý, chi phí duy trì hoạt động của tổ chức); khoản lợi nhuận hợp lý do tổ chức đề xuất và chi tiết thuế, phí có liên quan.

a) Đối với thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị phụ trợ, thiết bị ngoại vi; thiết bị mạng, phụ kiện mạng (gọi chung là trang thiết bị phần cứng); phần mềm thương mại

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Diễn giải</b>
<b>(1)</b>	<b>Chi phí trang thiết bị phần cứng; phần mềm thương mại</b>	
(1.1)	Chi phí trang thiết bị phần cứng; phần mềm thương mại	<i>Theo khối lượng và đơn giá cụ thể của từng trang thiết bị, bao gồm cả dịch vụ hỗ trợ đi kèm (theo yêu cầu của nhà sản xuất)</i>
(1.2)	Chi phí lắp đặt trang thiết bị; cài đặt, hiệu chỉnh phần mềm	<i>Theo số công tháng (man-month)/công ngày (man-day) thực hiện lắp đặt, cài đặt, hiệu chỉnh và đơn giá cụ thể</i>
(1.3)	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm thiết bị	<i>Theo số công, khối lượng cụ thể và đơn giá cụ thể; trường hợp không bóc tách được thì báo giá trọn gói nhưng phải rõ</i>

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Diễn giải</b>
		<i>nội dung công việc</i>
<b>(2)</b>	<b>Chi phí khác</b>	<i>Theo số công, khối lượng cụ thể và đơn giá cụ thể; trường hợp không bóc tách được thì báo giá trọn gói nhưng phải rõ nội dung công việc</i>
<b>(3)</b>	<b>Chi phí chung</b>	<i>Chi phí liên quan đến tiền lương của của bộ phận quản lý, chi phí duy trì hoạt động của tổ chức</i>
<b>(4)</b>	<b>Thu nhập chịu thuế tính trước</b>	<i>Khoản lợi nhuận hợp lý do tổ chức, cá nhân đề xuất</i>
<b>(5)</b>	<b>Thuế và phí liên quan</b>	<i>Diễn giải chi tiết từng chi phí</i>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>(1)+(2)+(3)+(4)+(5)</b>

b) Đối với thiết bị là phần mềm nội bộ; tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu; tạo lập cơ sở dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Diễn giải</b>
<b>(1)</b>	<b>Chi phí phần mềm</b>	
(1.1)	Chi phí nhân công	
	<i>Xác định yêu cầu; Phân tích và xây dựng phương án xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ</i>	<i>Theo số công tháng (man-month)/công ngày (man-day) thực hiện và đơn giá cụ thể</i>
	<i>Lập trình, viết mã lệnh</i>	
	<i>Kiểm thử phần mềm trong nội bộ của nhà thầu triển khai</i>	
	<i>Hoàn thiện, đóng gói sản phẩm phần mềm</i>	

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Diễn giải</b>
	<i>Cài đặt, chuyển giao, hướng dẫn sử dụng</i>	
	...	
(1.2)	Chi cài đặt, hiệu chỉnh phần mềm	<i>Theo số công tháng (man-month)/công ngày (man-day) thực hiện cài đặt, hiệu chỉnh và đơn giá cụ thể</i>
(2)	<b>Chi phí khác</b>	<i>Theo số công, khối lượng cụ thể và đơn giá cụ thể; trường hợp không bóc tách được thì báo giá trọn gói nhưng phải rõ nội dung công việc</i>
(3)	<b>Chi phí chung</b>	<i>Chi phí liên quan đến tiền lương của của bộ phận quản lý, chi phí duy trì hoạt động của tổ chức</i>
(4)	<b>Thu nhập chịu thuế tính trước</b>	<i>Khoản lợi nhuận hợp lý do tổ chức, cá nhân đề xuất</i>
(5)	<b>Thuế và phí liên quan</b>	<i>Diễn giải chi tiết từng chi phí</i>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>(1)+(2)+(3)+(4)+(5)</b>

c) Đối với tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa chuyên đổi phục vụ cho nhập dữ liệu; tạo lập cơ sở dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Diễn giải</b>
(1)	<b>Chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa chuyên đổi phục vụ cho nhập dữ liệu; tạo lập cơ sở dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu</b>	<i>Theo số công tháng (man-month)/công ngày (man-day) thực hiện và đơn giá cụ thể</i>
(2)	<b>Chi phí khác</b>	<i>Theo số công, khối lượng cụ thể và đơn giá cụ thể; trường hợp không bóc tách được thì báo giá trọn gói nhưng phải rõ</i>

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Diễn giải</b>
		<i>nội dung công việc</i>
<b>(3)</b>	<b>Chi phí chung</b>	<i>Chi phí liên quan đến tiền lương của của bộ phận quản lý, chi phí duy trì hoạt động của tổ chức</i>
<b>(4)</b>	<b>Thu nhập chịu thuế tính trước</b>	<i>Khoản lợi nhuận hợp lý do tổ chức, cá nhân đề xuất</i>
<b>(5)</b>	<b>Thuế và phí liên quan</b>	<i>Diễn giải chi tiết từng chi phí</i>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>(1)+(2)+(3)+(4)+(5)</b>

d) Đối với chi phí đào tạo, tập huấn hướng dẫn sử dụng; đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có); triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao toàn bộ sản phẩm của dự án (nếu có)

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Diễn giải</b>
<b>(1)</b>	<b>Chi phí đào tạo, tập huấn hướng dẫn sử dụng; đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có) hoặc Chi phí triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao toàn bộ sản phẩm của dự án (nếu có)</b>	<i>Theo số công, khối lượng cụ thể và đơn giá cụ thể; trường hợp không bóc tách được thì báo giá trọn gói nhưng phải rõ nội dung công việc</i>
<b>(2)</b>	<b>Chi phí chung</b>	<i>Chi phí liên quan đến tiền lương của của bộ phận quản lý, chi phí duy trì hoạt động của tổ chức</i>
<b>(3)</b>	<b>Thu nhập chịu thuế tính trước</b>	<i>Khoản lợi nhuận hợp lý do tổ chức, cá nhân đề xuất</i>

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Diễn giải</b>
<b>(4)</b>	<b>Thuế và phí liên quan</b>	<i>Diễn giải chi tiết từng chi phí</i>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>(1)+(2)+(3)+(4)</b>

đ) Đối với chi phí quản lý dự án/chi phí quản lý (không bao gồm chi phí giám sát, đánh giá đầu tư dự án); chi phí tư vấn đầu tư; chi phí khác trong tổng mức đầu tư, dự toán

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Diễn giải</b>
<b>(1)</b>	<b>Chi phí nhân công/chuyên gia tư vấn</b>	<i>Theo số công, khối lượng và đơn giá cụ thể; trường hợp không bóc tách được thì báo giá trọn gói nhưng phải rõ nội dung công việc</i>
<b>(2)</b>	<b>Chi phí khác</b>	<i>Theo số công, khối lượng cụ thể và đơn giá cụ thể; trường hợp không bóc tách được thì báo giá trọn gói nhưng phải rõ nội dung công việc</i>
<b>(3)</b>	<b>Chi phí chung</b>	<i>Chi phí liên quan đến tiền lương của của bộ phận quản lý, chi phí duy trì hoạt động của tổ chức</i>
<b>(4)</b>	<b>Thu nhập chịu thuế tính trước</b>	<i>Khoản lợi nhuận hợp lý do tổ chức, cá nhân đề xuất</i>
<b>(5)</b>	<b>Thuế và phí liên quan</b>	<i>Diễn giải chi tiết từng chi phí</i>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>(1)+(2)+(3)+(4)+(5)</b>

e) Đối với dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Diễn giải</b>
<b>(1)</b>	<b>Chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin</b>	

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Diễn giải</b>
(1.2)	Chi phí dịch vụ phần mềm	<i>Xác định trên cơ sở chi phí nhân công thực hiện xây dựng, phát triển phần mềm<sup>2</sup> chia đều cho 8 năm<sup>3</sup> (nếu yêu cầu báo giá dịch vụ theo năm) hoặc chia đều cho 96 tháng<sup>4</sup> (nếu yêu cầu báo giá dịch vụ theo tháng)<sup>5</sup></i>
<b>(2)</b>	<b>Chi phí khác</b>	
(2.1)	Chi phí dịch vụ hạ tầng kỹ thuật	<i>Theo số công, khối lượng cụ thể và đơn giá cụ thể; trường hợp không bóc tách được thì báo giá trọn gói nhưng phải rõ nội dung công việc</i>
(2.2)	Chi phí đào tạo, tập huấn hướng dẫn sử dụng dịch vụ	
(2.3)	Chi phí quản trị, vận hành, bảo trì dịch vụ	
(2.4)	Chi phí khác có liên quan	
<b>(3)</b>	<b>Chi phí chung</b>	<i>Chi phí liên quan đến tiền lương của của bộ phận quản lý, chi phí duy trì hoạt động của tổ chức</i>
<b>(4)</b>	<b>Thu nhập chịu thuế tính trước</b>	<i>Khoản lợi nhuận hợp lý do tổ chức, cá nhân đề xuất</i>
<b>(5)</b>	<b>Thuế và phí liên quan</b>	<i>Diễn giải chi tiết từng chi phí</i>
	<b>Tổng cộng</b>	<b><i>(1)+(2)+(3)+(4)+(5)</i></b>

g) Đối với chi phí quản trị, vận hành và bảo trì hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu

<sup>2</sup> Chi phí nhân công thực hiện xây dựng, phát triển phần mềm xác định theo quy định tại điểm b mục 2.3 của Phụ lục này.

<sup>3</sup> 08 năm là thời gian trích khấu hao tối đa đối với tài sản cố định là phần mềm theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp. Trường hợp quy định pháp luật có thay đổi thì điều chỉnh theo thời gian trích khấu hao tối đa đối với tài sản cố định là phần mềm.

<sup>4</sup> 96 tháng là 08 năm x 12 tháng

<sup>5</sup> 08 năm là thời gian trích khấu hao tối đa đối với tài sản cố định là phần mềm theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp. Trường hợp quy định pháp luật có thay đổi thì điều chỉnh theo thời gian trích khấu hao tối đa đối với tài sản cố định là phần mềm.

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Diễn giải</b>
<b>(1)</b>	<b>Chi phí nhân công</b>	<i>Theo số công, khối lượng cụ thể và đơn giá cụ thể; trường hợp không bóc tách được thì báo giá trọn gói nhưng phải rõ nội dung công việc</i>
<b>(2)</b>	<b>Chi phí khác</b>	<i>Theo số công, khối lượng cụ thể và đơn giá cụ thể; trường hợp không bóc tách được thì báo giá trọn gói nhưng phải rõ nội dung công việc</i>
<b>(3)</b>	<b>Chi phí chung</b>	<i>Chi phí liên quan đến tiền lương của của bộ phận quản lý, chi phí duy trì hoạt động của tổ chức</i>
<b>(4)</b>	<b>Thu nhập chịu thuế tính trước</b>	<i>Khoản lợi nhuận hợp lý do tổ chức, cá nhân đề xuất</i>
<b>(5)</b>	<b>Thuế và phí liên quan</b>	<i>Diễn giải chi tiết từng chi phí</i>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>(1)+(2)+(3)+(4)+(5)</b>

h) Trường hợp các thành phần chi phí trong tổng mức đầu tư, dự toán nêu tại điểm a, b, c, d, đ, e và g tại mục này do một tổ chức, cá nhân cung cấp báo giá, thì tổ chức, cá nhân khi báo giá cần tính gộp các khoản mục chi phí có tính chất chung (chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế và phí liên quan, ...); không tách thành từng khoản mục chi phí riêng lẻ.

## **II. Phương pháp kết quả lựa chọn nhà thầu đối với trang thiết bị, hàng hóa, dịch vụ tương tự**

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu đối với trang thiết bị, hàng hóa, dịch vụ tương tự trong thời gian tối đa 12 tháng trước ngày trình thẩm định, phê duyệt dự án hoặc trình thẩm định, phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán (đối với dự án thiết kế 02 bước không có hạng mục phần mềm theo quy định) hoặc trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ hoặc trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và dự toán (đối với nhiệm vụ không hình thành dự án) trong đó có thể điều chỉnh

kết quả này theo các thay đổi về khối lượng hoặc giá thị trường của trang thiết bị, hàng hóa, dịch vụ của dự án, nhiệm vụ hiện tại để xây dựng giá trang thiết bị, hàng hóa, dịch vụ;

2. Cơ quan, đơn vị lập dự toán chi phí chịu trách nhiệm đánh giá mức độ tương tự của trang thiết bị, hàng hóa; mức độ tương tự của dịch vụ khi sử dụng dữ liệu kết quả lựa chọn nhà thầu đối với trang thiết bị, hàng hóa, dịch vụ tương tự.

3. Giá thị trường tại thời điểm tính toán có thể được xác định thông qua các cách thức sau: Tham khảo các kết quả giá thị trường gần nhất đối với trang thiết bị, hàng hóa, dịch vụ tương tự; đăng tải câu hỏi về giá thị trường trên các phương tiện thông tin phù hợp; nghiên cứu catalô và tài liệu giới thiệu sản phẩm của hãng sản xuất, nhà cung cấp, nhà phân phối, đại lý; tham khảo kinh nghiệm của chủ đầu tư khác đã tiến hành xác định giá thị trường, tham khảo kết quả tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị, hàng hóa, dịch vụ tương tự; tổ chức hội nghị tham vấn giá thị trường với các doanh nghiệp công nghệ số trên cơ sở công khai, minh bạch; tổ chức khảo sát thông tin từ các doanh nghiệp công nghệ số; tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan; tham khảo thông tin các báo in, tạp chí, ấn phẩm phân tích thị trường chuyên ngành, thông tin trên Internet và các hình thức phù hợp khác;

4. Trường hợp trong thời gian 12 tháng trước ngày trình thẩm định, phê duyệt dự án hoặc trình thẩm định, phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán (đối với dự án thiết kế 02 bước không có hạng mục phần mềm nội bộ theo quy định) hoặc trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ hoặc trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và dự toán (đối với nhiệm vụ không hình thành dự án) mà không có kết quả lựa chọn nhà thầu của trang thiết bị, hàng hóa, dịch vụ tương tự thì có thể xác định trên cơ sở kết quả lựa chọn nhà thầu của trang thiết bị, hàng hóa, dịch vụ tương tự của các năm trước đó do cơ quan, đơn vị lập dự toán chi phí xác định, trong đó có thể điều chỉnh kết quả này theo các thay đổi về khối lượng, giá thị trường của trang thiết bị, hàng hóa, dịch vụ của dự án, nhiệm vụ, kế hoạch thuê dịch vụ hiện tại. Hồ sơ lập tổng mức đầu tư, dự toán phải đính kèm danh sách kết quả lựa chọn các trang thiết bị, hàng hóa, dịch vụ tương tự trích

xuất từ Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (nếu có);

5. Trang thiết bị, hàng hóa, dịch vụ tương tự do cơ quan, đơn vị lập dự toán chi phí căn cứ vào phạm vi, quy mô, nội dung đầu tư của dự án, nhiệm vụ hiện tại; các hạng mục chính cần thuê, quy mô, phạm vi, nội dung, các yêu cầu chất lượng dịch vụ của kế hoạch thuê dịch vụ cần thuê để mô tả, đưa ra yêu cầu về tính tương tự của trang thiết bị, hàng hóa, dịch vụ.

Các yêu cầu cơ bản về tính tương tự: Được áp dụng các quy định, hướng dẫn của pháp luật đấu thầu về xác định tính tương tự của thiết bị, hàng hóa, dịch vụ để thực hiện.

### **III. Phương pháp lập dự toán theo chuyên gia tư vấn**

#### **1. Công thức xác định chi phí theo chuyên gia tư vấn**

$$C_{TV} = C_{CG} + C_{QL} + C_K + TN + VAT$$

Trong đó:

- +  $C_{TV}$ : Chi phí của công việc cần lập dự toán;
- +  $C_{CG}$ : Chi phí chuyên gia trực tiếp;
- +  $C_{QL}$ : Chi phí chung;
- +  $C_K$ : Chi phí khác;
- + TN: Thu nhập chịu thuế tính trước;
- + VAT: Thuế giá trị gia tăng.

#### **2. Cách xác định các thành phần chi phí**

- Chi phí chuyên gia trực tiếp ( $C_{CG}$ ): Là khoản chi phí trực tiếp của chuyên gia thực hiện công việc cần lập dự toán, được xác định theo số lượng chuyên gia, thời gian làm việc và tiền lương của chuyên gia. Tiền lương chuyên gia được xác định theo Thông tư số 7/2026/TT-BNV ngày 05/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.

Trường hợp mức tiền lương của chuyên gia theo quy định trên không phù

hợp với yêu cầu của dự án khi xác định tiền lương của chuyên gia theo một trong các cách sau:

Cách 1: Cơ quan, đơn vị lập dự toán chi phí tham khảo mức lương cho công việc cần thuê chuyên gia của tối thiểu 03 doanh nghiệp trong thời gian 12 tháng gần nhất đến thời điểm lập dự toán. Trên cơ sở đó, chủ đầu tư, chủ trì thuê quyết định tiền lương chuyên gia để lập dự toán chi phí.

Cách 2: Cơ quan, đơn vị lập dự toán chi phí gửi yêu cầu báo giá tiền lương chuyên gia cho công việc cần thực hiện tới tối thiểu 03 doanh nghiệp trong thời gian 12 tháng gần nhất đến thời điểm lập dự toán. Trên cơ sở các báo giá thu thập được, chủ đầu tư, chủ trì thuê quyết định tiền lương chuyên gia để lập dự toán chi phí.

- Chi phí chung ( $C_{QL}$ ): Là khoản chi phí hoạt động quản lý chung bao gồm các chi phí liên quan đến hoạt động của bộ phận quản lý, điều hành tổ chức tư vấn (tiền lương của bộ phận quản lý), chi phí duy trì hoạt động của tổ chức tư vấn; chi phí văn phòng làm việc; mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và các khoản chi phí quản lý khác có liên quan đến hoạt động của tổ chức tư vấn. Chi phí chung được xác định theo Bảng 5.2 của Phụ lục này.

- Chi phí khác ( $C_K$ ): Bao gồm chi phí đi lại, lưu trú (nếu có); chi phí văn phòng phẩm, thông tin, liên lạc; chi phí khấu hao thiết bị; chi phí ứng dụng khoa học công nghệ, quản lý hệ thống thông tin công trình; chi phí hội nghị, hội thảo và các khoản chi phí khác (nếu có). Các khoản chi phí này xác định trên cơ sở dự kiến nhu cầu cần thiết của từng loại công việc tư vấn.

- Thu nhập chịu thuế tính trước (TN): Được xác định bằng 6% của tổng chi phí chuyên gia, chi phí chung và chi phí khác.

- Thuế giá trị gia tăng (VAT): Được xác định phù hợp với từng loại công việc và theo quy định của pháp luật thuế.

## **BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN**

TT	Khoản mục chi phí	Diễn giải	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	Chi phí chuyên gia trực tiếp			$C_{CG}$
2	Chi phí chung	$C_{CG} \times \text{Tỷ lệ}$		$C_{QL}$
3	Chi phí khác			$C_K$
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(C_{CG} + C_{QL} + C_K) \times \text{Tỷ lệ}$		TN
5	Thuế giá trị gia tăng	$(C_{CG} + C_{QL} + C_K + TN) \times \text{Tỷ lệ}$		VAT
	<b>Tổng cộng</b>	$C_{CG} + C_{QL} + C_K + TN + VAT$		$C_{DT}$

Trường hợp thuê chuyên gia tư vấn cá nhân thì không tính các chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng nêu trên.

### BẢNG CHI PHÍ CHUNG

Đơn vị tính: %

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Chi phí chuyên gia trực tiếp (tỷ đồng)		
		$C_{CG} \leq 1$	$1 < C_{CG} < 5$	$C_{CG} \geq 5$
1	- Chi phí quản lý dự án, chi phí quản lý; - Chi phí tư vấn đầu tư, chi phí tư vấn khác.	55	50	45

#### IV. Phương pháp kết quả thẩm định giá

Thẩm định giá của tổ chức có năng lực cung cấp dịch vụ thẩm định giá hoặc của hội đồng thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật giá.

#### V. Phương pháp giá niêm yết của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, đại lý, nhà phân phối, nhà cung ứng, doanh nghiệp

1. Giá niêm yết là giá được niêm yết theo quy định của pháp luật giá.

2. Chủ đầu tư được căn cứ giá niêm yết của trang thiết bị, hàng hóa, dịch vụ của tối thiểu 01 tổ chức, cá nhân cung cấp; khuyến khích căn cứ giá niêm yết của nhiều hơn 01 tổ chức, cá nhân cung cấp khác nhau và được lấy giá trung bình của các giá niêm yết. Trong quá trình xác định giá, Cơ quan, đơn vị lập dự toán chi phí chịu trách nhiệm về phương thức thu thập giá niêm yết, số lượng giá niêm yết, lựa chọn giá để lập dự toán chi phí.